

Bản án số 07/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 20-9-2021

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ;

Các Thẩm phán:

Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Cao Đức Chiến;.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Chu Thị Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:***
Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLPT-HNGĐ, ngày 24/8/2021 về Ly hôn.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 23-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2021/QĐ-PT ngày 05-9-2021; giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Triệu Đức M, sinh năm 1957; cư trú tại: Thôn Làng D xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà Lương Thị V, sinh năm 1959; cư trú tại: Thôn Làng D, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- ***Người kháng cáo:*** Bà Lương Thị V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày của các đương sự và bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Triệu Đức M và bà Lương Thị V kết hôn với nhau năm 1978, trước khi kết hôn ông bà không được tìm hiểu do hai gia đình mai mối, nhưng ông bà vẫn đồng ý kết hôn với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào ngày 15/01/1978. Đến năm 2009, ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hòa thuận, đôi khi cũng có những mâu thuẫn nhỏ do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nhưng ông vẫn cố gắng kìm chế, nhẫn nhịn. Sau đó, vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát, cãi chửi nhau, nguyên nhân do ông,

bà bất đồng quan điểm về cách sống. Từ năm 2019 đến nay, ông và bà V đã sống ly thân về tình cảm không ai nói chuyện với ai, không ăn uống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng vẫn sống chung một nhà, nhà ông bà có 09 gian; ông ở 04 gian, bà V và các con ở 05 gian.

Từ khi sống ly thân, bà V đã tự ý quản lý hết các tài sản trong gia đình, không cho ông quản lý, sử dụng và luôn tìm cơ mắng chửi, lăng mạ ông. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa do đó ông M xin được ly hôn với bà V.

Về con chung: Vợ chồng có 04 người con là anh Triệu Đình H, sinh năm 1981; anh Triệu Văn Đ, sinh năm 1984; chị Triệu Thị H, sinh năm 1989; anh Triệu Đức H, sinh năm 1992. Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà Lương Thị V xác nhận bà và ông M kết hôn với nhau năm 1978, ông bà được đi đăng ký kết hôn với nhau hai lần tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (lần 1 đăng ký vào năm 1978 không nhớ ngày tháng, do giấy đăng ký bị thất lạc. Năm 2009 bà và ông M lại đi đăng ký kết hôn lại lần 2).

Trước khi kết hôn bà và ông M không được tìm hiểu mà do hai bên gia đình mai mối, xấp xếp nhưng bà vẫn đồng ý kết hôn với ông M. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông M thường xuyên bỏ bê gia đình, có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác, đến năm 2013 ông M mới thay đổi quay về chung sống cùng với bà và các con, đến năm 2017, ông M lại tiếp tục có quan hệ ngoại tình với người khác, bỏ đi khỏi nhà, không chăm lo kinh tế gia đình, không giúp đỡ vợ con, nhưng vì gia đình, các con bà vẫn bỏ qua cho ông, bà khẳng định do ông M có quan hệ tình cảm với người khác nên mới kiên quyết xin ly hôn với bà. Bà không đồng ý ly hôn vì bà vẫn còn tình cảm với ông M, hơn nữa ông bà đã già rồi, ông M muốn ra ngoài ở với ai bà cũng không ngăn cản. Hiện nay gia đình ông bà đã có con, có cháu nên bà không đồng ý hôn.

Về con chung: Bà xác nhận ông bà có 04 con chung họ tên, năm sinh như ông M trình bày là đúng. Hiện nay, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Với nội dung vụ án như trên: Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 23-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Triệu Đức M, xử cho nguyên đơn ông Triệu Đức M được ly hôn với bị đơn bà Lương Thị V.

2. Về con chung: Có 04 con chung là Triệu Đình H, sinh năm 1981; Triệu Văn Đ, sinh năm 1984; Triệu Thị H, sinh năm 1989; Triệu Đức H, sinh năm 1992; các con đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong hạn luật định ngày 02/8/2021 bà Lương Thị V kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H cụ thể như sau: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 23-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Triệu Đức M để vợ chồng trở về đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lương Thị V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Triệu Đức M để vợ chồng trở về đoàn tụ gia đình với lý do tuổi đã cao muốn chung sống cùng một gia đình và các con cũng không muốn bố mẹ ly hôn.

Ông Triệu Đức M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết đối với nội dung vụ án có kháng cáo.

- Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: Bà Lương Thị V kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Ngày 02/8/2021 bà Lương Thị V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Triệu Đức M, để vợ chồng trở về đoàn tụ gia đình.

- Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Đức M, xử cho ông M ly hôn với bà Lương Thị V là có căn cứ. Về tình cảm vợ chồng giữa ông M và bà V không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau nữa. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị V, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 23-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Triệu Đức M và bà Lương Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện mặc dù không được tìm hiểu do hai gia đình mai mối nhưng ông bà đều đồng ý kết hôn không có ai ép buộc nên được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Có đăng ký kết hôn từ năm 1978, sau kết hôn bị thất lạc, ngày 27/7/2009 ông bà lại đưa nhau đi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, xảy ra cãi cọ. Năm 2019 do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng không ăn chung không quan tâm chăm sóc nhau.

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Triệu Đức M và bà Lương Thị V tại thôn Làng D, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện thôn Làng D không nắm được vợ chồng ông M, bà V có mâu thuẫn và sống ly thân hay không, chỉ biết ông M thời gian gần đây ông M ở hẳn trên ao cá cách nhà ông khoảng 800m, không ở nhà, anh Triệu Đức H con trai ông M, bà V cũng cho biết bố mẹ anh đôi khi có mâu thuẫn, mắng chửi nhau, nguyên nhân do bố anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, từ nhiều năm nay bố anh không hề chăm lo kinh tế cho gia đình, các con đã khuyên nhủ rất nhiều nhưng ông M không thay đổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Về tình cảm vợ chồng giữa ông Triệu Đức M và bà Lương Thị V đã mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, do bất đồng quan điểm sống vợ chồng bà không có tiếng nói nói chung, vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử cho ông bà ly hôn là có căn cứ pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên thấy rằng, yêu cầu kháng cáo của bà Lương Thị V không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đó cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị V vì không có căn cứ, giữ nguyên bản án sơ

thẩm; tuy nhiên bà V là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm cho bà Lương Thị V

Nhận định trên cũng phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị V vì không có căn cứ; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2017/HNGĐ-ST ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Lương Thị V là người cao tuổi được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

3. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện H
- Chi cục THADS huyện H
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuệ

Tại biên bản làm việc ngày 12/7/2019 với ông Hoàng Văn Dũng khối trưởng khối 6, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn cho biết trong thời gian ông làm khối trưởng từ năm 2017 đến nay ông không được chứng kiến và cũng không nghe được bất kỳ thông tin gì về việc ông Bùi Đông Sơn và bà Dương Thị Ngọc mâu thuẫn, ông Bùi Đông Sơn và bà Dương Thị Ngọc vẫn chung sống với nhau bình thường.

Tại giấy xác nhận đề ngày 26/6/2019 của bà Dương Hồng Hóa, bà Dương Hồng Hóa cho biết bà là chị gái ruột của bà Dương Thị Ngọc, trong những năm 2010, 2011, 2014 bà có cho em gái Dương Thị Ngọc tổng số tiền 425.000.000 đồng, trong đó năm 2014 bà đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho bà Dương Thị Ngọc tổng 100.000.000 đồng để hỗ trợ cháu Bùi Duy Thành trong thời gian học tập tại nước ngoài khi gặp khó khăn.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 12/7/2019, Hội đồng định giá xác định:

- Đất tranh chấp có diện tích $137,9m^2$ thuộc thửa số 77, tờ bản đồ số 27, bản đồ địa chính phường Tam Thanh, được Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 087629 ngày 07/12/2007 cho ông Bùi Đông Sơn và bà Dương Thị Ngọc, hiện nay không có tranh chấp với ai, theo giá thị trường diện tích đất trên có giá trị $5.000.000đ/m^2 \times 137,9m^2 = 689.500.000đ$ đồng.

- Trên đất có ngôi nhà hai tầng (tầng 1 diện tích $61,5m^2$, tầng 2 diện tích $69m^2$, 01 bếp diện tích $16,28m^2$, 01 sân lát xi măng (đã hết khấu hao), có tổng giá trị là 322.087.000đồng.

- Cây cảnh bon sai 100 chậu giá trị là 500.000đồng/chậu x 100 chậu = 50.000.000đồng;

- Giàn cây hoa phong lan 100 chậu giá trị là 100.000đồng/chậu x 100 chậu = 10.000.000đồng;

- 01 cây quất hồng bì có giá trị 1.152.000đồng;

- Về một số vật dụng gia đình: Xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 12F3-1473 và xe Honda biển số 12F1 - 2592, 01 bức tranh gỗ hình quạt, 01 tủ gỗ chùa, 02 tủ gỗ đựng quần áo loại gỗ lát và gỗ đinh, 01 lư, 02 con hạc, 02 tivi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 02 bình sứ đều đã hết khấu hao, Hội đồng định giá không tiến

hành định giá; đối với tài sản còn lại bao gồm xe mô tô nhãn hiệu Piago Vespa có giá trị hiện nay là 8.500.000đồng; 02 bức tranh sứ kích thước 60cm x 90cm có giá trị là 5.625.000đồng; 01 tủ gỗ xoan đào rộng 2,4m mua năm 2012 có giá trị 1.250.000đồng, 01 tủ gỗ xoan đào rộng 1,6m mua năm 2017 có giá trị 4.500.000đồng. Tổng giá trị tài sản là 19.875.000đồng.

Tổng giá trị đất, nhà ở, bếp và tài sản là vật dụng trong gia đình, cùng giàn lan, cây cảnh, cây quất hồng bì là **1.092.614.000đồng**.

Với kết quả định giá trên, ngày 17/7/2019 bà Dương Thị Ngọc có đơn đề nghị xem xét thẩm định, định giá lại tài sản đối với đất, nhà, bếp và giàn cây hoa phong lan, cây cảnh bon sai, nhưng bà Dương Thị Ngọc không đưa ra được căn cứ hợp pháp để xác định việc định giá chưa đúng với hiện trạng và giá thị trường, do đó Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn quyết định không định giá lại tài sản.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2015/HNGĐ- ST ngày 26/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Áp dụng các điều 55, 61, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các điều 214, 217, 224 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 8, 9 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL- UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

I. Về tài sản:

1. Ông Lý Đức Thành, bà Voòng Mây Chấn, anh Lý Hoàng Long, chị Lộc Thị Thắm, **chị Lý Mai Hạnh** anh Lý Ngọc Lâm được quyền sở hữu toàn bộ khối tài sản chung gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 12A-00382; một xe mô tô Air Blade, biển kiểm soát 12P1 – 7077; lợi nhuận của nhà hàng Lý Thành 2 tính từ tháng 12/2014 cho đến tháng 5/2015; nhà, quyền sử dụng đất và điều hòa lắp trong các phòng 201, 202, 203, 205, 206 tại nhà số 60LKF1, Khu đô thị Phú Lộc 4, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số BM 171986, do UBND thành phố Lạng Sơn cấp ngày 21/12/2012).

Tổng trị giá tài sản chung là

6.673.135.070 đồng (Giấy đăng ký xe ô tô, xe mô tô và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do anh Lý Ngọc Lâm đứng tên).

2. Ông Lý Đức Thành, bà Voòng Mây Chấn, anh Lý Hoàng Long, chị Lộc Thị Thắm, **chị Lý Mai Hạnh** và anh Lý Ngọc Lâm có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thu Hương công sức đóng góp trong khối tài sản chung, với số tiền là953.305.010đ (Chín trăm năm mươi ba triệu ba trăm linh năm nghìn không trăm mười đồng).

Khi chị Nguyễn Thị Thu Hương có đơn yêu cầu thi hành, nếu Ông Lý Đức Thành, bà Voòng Mây Chấn, anh Lý Hoàng Long, chị Lộc Thị Thắm, **chị Lý Mai Hạnh** và anh Lý Ngọc Lâm chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm

trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Chị Nguyễn Thị Thu Hương được quyền sở hữu một chiếc điều hòa Nagakawa lắp trong phòng ngủ của chị Nguyễn Thị Thu Hương tại nhà số 60LKF1 khu đô thị Phú Lộc 4, khối 5, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Hương có nghĩa vụ tháo dỡ, di chuyển chiếc điều hòa Nagakawa khỏi ngôi nhà nói trên.

4. Về trách nhiệm thanh toán nợ: Anh Lý Hoàng Long có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 44.050313/HĐTD ngày 31/01/2013 (tính đến ngày 19/5/2015 số tiền nợ là 388.806.930đ, trong đó nợ gốc là 386.660.000 đồng, lãi 2.146.930 đồng).

II. Về án phí:

1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lý Ngọc Lâm phải chịu 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Chị Nguyễn Thị Thu Hương phải chịu 40.599.150đ (Bốn mươi triệu năm trăm chín mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 24.000.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu tiền số AA/2011/03412 ngày 02/4/2015. Chị Hương còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 16.599.150đ (Mười sáu triệu năm trăm chín mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

III. Về chi phí định giá: Anh Lý Ngọc Lâm và chị Nguyễn Thị Thu Hương phải chịu toàn bộ chi phí cho Hội đồng định giá tài sản là: 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này chị Hương đã nộp tạm ứng trước để chi phí cho Hội đồng định giá tài sản, nay anh Lâm phải hoàn trả cho chị Hương số tiền là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Hồng

Chu Lệ Hường

Nguyễn Thị Trung Vân